

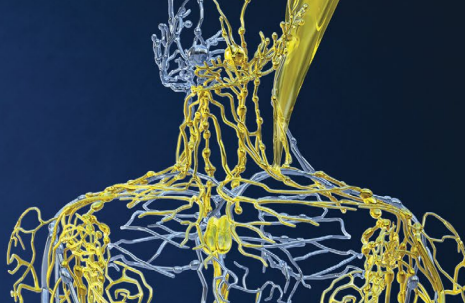
**Suprane**  
*desflurane*



Số giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc của  
Bộ Y Tế ...../XNTT/....., ngày ..... tháng ..... năm .....  
In tài liệu ngày ..... tháng ..... năm .....  
Tài liệu gồm 6 trang  
Thông tin chi tiết sản phẩm xem trang 2-6



Patient nutrition, evolved.



## Olimel N9E

Giải pháp dinh dưỡng tĩnh mạch 3 trong 1  
với hàm lượng ĐAM CAO  
(56.9g acid amin/1000ml)

**Nhũ dịch Lipids**  
80% dầu Oliu +  
20% dầu đậu nành

**Dung dịch  
Amino acids**

**Dung dịch  
Glucose**



THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT (TRONG 1000 ML)	OLIMEL N9E
Chất béo	40 g
Acid amin	56.9 g
Nitơ	9.0 g
Glucose	110 g
<b>Năng lượng</b>	
Năng lượng tổng cộng	1070 kcal
Năng lượng từ các chất không phải protein	840 kcal
Năng lượng từ glucose	440 kcal
Năng lượng chất béo	400 kcal
Tỉ lệ năng lượng từ các chất không phải protein so với nitơ	93 kcal/gN
Tỉ lệ năng lượng từ glucose so với chất béo	52/48
Phần trăm chất béo so với tổng năng lượng	37%
<b>Các chất điện giải</b>	
Natri	35 mmol
Kali	30 mmol
Magie	4 mmol
Canxi	3.5 mmol
Photphate	15.0 mmol
Acetate	54 mmol
Chloride	45 mmol
pH	6.4
Áp suất thẩm thấu	1310 mOsm/L

## Periolimel N4E

Giải pháp dinh dưỡng tĩnh mạch 3 trong 1  
Áp suất thẩm thấu thấp, phù hợp  
cho đường truyền tĩnh mạch ngoại vi

**Nhũ dịch Lipids**  
80% dầu Oliu +  
20% dầu đậu nành

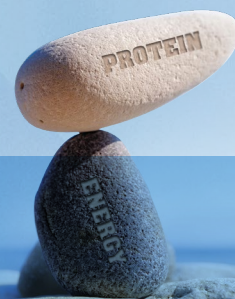
**Dung dịch  
Amino acids**

**Dung dịch  
Glucose**



THÀNH PHẦN HOẠT CHẤT (TRONG 1000 ML)	PERIOLIMEL N4E
Chất béo	30 g
Acid amin	25.3 g
Nitơ	4.0 g
Glucose	75 g
<b>Năng lượng</b>	
Năng lượng tổng cộng	700 kcal
Năng lượng từ các chất không phải protein	600 kcal
Năng lượng từ glucose	300 kcal
Năng lượng chất béo	300 kcal
Tỉ lệ năng lượng từ các chất không phải protein so với nitơ	150 kcal/gN
Tỉ lệ năng lượng từ glucose so với chất béo	50/50
Phần trăm chất béo so với tổng năng lượng	43%
<b>Các chất điện giải</b>	
Natri	21 mmol
Kali	16 mmol
Magie	2.2 mmol
Canxi	2 mmol
Photphate	8.5 mmol
Acetate	27 mmol
Chloride	24 mmol
pH	6.4
Áp suất thẩm thấu	760 mOsm/L

**Baxter**







Patient nutrition, evolved.

Tài liệu lưu hành nội bộ

# Cernevit

Hỗn hợp vitamin thiết yếu **12 trong 1** dùng đường tĩnh mạch.



CERNEVIT được bào chế dưới dạng bột đông khô pha tiêm



CERNEVIT dùng cho người lớn và trẻ em 11 tuổi trở lên

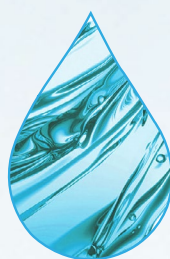


CERNEVIT có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng (dưới 30°C)



CERNEVIT chứa 12 loại vitamin thiết yếu:

**3**  
VITAMIN  
TAN TRONG  
DẦU



**9**  
VITAMIN  
TAN TRONG  
NƯỚC

**A**

**D<sub>3</sub>**

**E**

**B<sub>1</sub>**

**B<sub>2</sub>**

**B<sub>3</sub>**

**B<sub>5</sub>**

**B<sub>6</sub>**

**Biotin**

**Folic  
Acid**

**B<sub>12</sub>**

**C**

CERNEVIT là sự phối hợp cân bằng giữa các vitamin tan trong nước và tan trong dầu, cung cấp cho nhu cầu hằng ngày trong dinh dưỡng tĩnh mạch.

**Baxter**